



PHATDAT
CORPORATION
Real Estate Development

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
Và
Báo cáo tài chính Quý IV năm 2014
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4- 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7- 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9- 33

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phát Đạt, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và sau đó được điều chỉnh theo các GCNĐKKD sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

4103002655

Điều chỉnh lần 1
Điều chỉnh lần 2
Điều chỉnh lần 3
Điều chỉnh lần 4
Điều chỉnh lần 5
Điều chỉnh lần 6
Điều chỉnh lần 7
Điều chỉnh lần 8
Điều chỉnh lần 9
Điều chỉnh lần 10

11 tháng 12 năm 2004
16 tháng 11 năm 2005
11 tháng 7 năm 2006
19 tháng 12 năm 2006
23 tháng 4 năm 2007
24 tháng 5 năm 2007
29 tháng 11 năm 2007
23 tháng 1 năm 2008
29 tháng 2 năm 2008
29 tháng 6 năm 2009

0303493756

Điều chỉnh lần 11
Điều chỉnh lần 12
Điều chỉnh lần 13
Điều chỉnh lần 14
Điều chỉnh lần 15
Điều chỉnh lần 16
Điều chỉnh lần 17
Điều chỉnh lần 18
Điều chỉnh lần 19
Điều chỉnh lần 20
Điều chỉnh lần 21

27 tháng 8 năm 2009
4 tháng 12 năm 2009
4 tháng 5 năm 2010
13 tháng 9 năm 2010
22 tháng 10 năm 2010
3 tháng 11 năm 2010
28 tháng 1 năm 2011
11 tháng 8 năm 2011
22 tháng 9 năm 2011
16 tháng 5 năm 2012
15 tháng 8 năm 2012

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 422 Đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Đoàn Viết Đại Từ	Thành viên
Bà Trần Thị Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tôn Ngọc Tiến	Trưởng ban
Ông Trương Ngọc Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Ái Linh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trọng Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Vũ Thiên Diễm	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đạt.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong quý IV. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán quý IV kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV - 2014
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.731.924.499.977	5.780.205.957.289
110	I. Tiền	4	7.945.617.347	13.305.974.685
111	1. Tiền		7.945.617.347	13.305.974.685
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		311.398.047.984	261.237.126.538
131	1. Phải thu khách hàng		157.231.143.442	156.270.189.707
132	2. Trả trước cho người bán	5	108.767.703.691	60.293.386.499
135	3. Các khoản phải thu khác	6	46.439.867.330	45.714.216.811
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.040.666.479)	(1.040.666.479)
140	III. Hàng tồn kho	7	5.410.268.937.735	5.495.921.996.050
141	1. Hàng tồn kho		5.410.268.937.735	5.495.921.996.050
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.311.896.911	9.740.860.016
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		833.549.060	749.798.154
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.422.547.851	2.217.095.192
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	24.1		6.378.666.670
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		55.800.000	395.300.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		347.562.762.802	345.640.682.990
220	I. Tài sản cố định		202.167.355.456	199.440.250.281
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.373.002.910	1.517.678.759
222	Nguyên giá		5.962.472.014	5.962.472.014
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.589.469.104)	(4.444.793.255)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	117.681.205.680	117.715.434.426
228	Nguyên giá		118.918.037.476	118.918.037.476
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(1.236.831.796)	(1.202.603.050)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	83.113.146.866	80.207.137.096
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	11	97.000.000.000	97.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		97.000.000.000	97.000.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		48.395.407.346	49.200.432.709
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.075.407.346	1.196.805.360
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.2		683.627.349
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	47.320.000.000	47.320.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.079.487.262.779	6.125.846.640.279

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.610.919.284.487	4.690.618.809.246
310	I. Nợ ngắn hạn		1.566.456.245.394	1.588.367.898.909
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	904.681.096.000	807.693.000.000
312	2. Phải trả người bán		78.501.238.655	60.952.110.282
313	3. Người mua trả tiền trước	15	95.909.109.025	376.097.460.949
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.333.141.034	112.919.484
315	5. Phải trả người lao động		1.440.232.000	1.346.080.000
316	6. Chi phí phải trả	16	354.081.848.106	258.810.849.718
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	121.830.674.262	75.604.702.264
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.678.906.312	7.750.776.212
330	II. Nợ dài hạn		3.044.463.039.093	3.102.250.910.337
333	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.231.540.579.093	1.172.506.610.337
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	1.812.922.460.000	1.929.744.300.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.468.567.978.292	1.435.227.831.033
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.468.567.978.292	1.435.227.831.033
411	1. Vốn cổ phần		1.302.000.000.000	1.302.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		12.000.000.000	12.000.000.000
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		48.742.334.076	48.742.334.076
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		24.371.250.000	24.371.250.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		81.454.394.216	48.114.246.957
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.079.487.262.779	6.125.846.640.279



Phạm Quang Trung
Người lập



Ngô Thúy Vân
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV - 2014
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV - Năm nay	Quý IV - Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV - Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV - Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	320.264.677.912	12.867.786.929	415.281.644.802	39.618.336.303
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(270.079.769.300)	(5.137.530.004)	(336.840.975.332)	(12.033.494.192)
20	3. Lợi nhuận gộp		50.184.908.612	7.730.256.925	78.440.669.470	27.584.842.111
21	4. Doanh thu tài chính		21.275.241	28.447.041	52.175.496	69.420.514
22	5. Chi phí tài chính		(383.333.334)	(413.333.333)	(1.520.833.334)	(1.550.833.334)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(383.333.334)		(1.520.833.334)	(1.550.833.334)
24	6. Chi phí bán hàng		(450.131.276)	(1.642.703.444)	(2.808.443.665)	(6.199.728.687)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(6.347.696.398)	(6.191.994.943)	(21.941.470.318)	(21.439.636.296)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.025.022.845	(489.327.754)	52.222.097.649	(1.535.935.692)
31	9. Thu nhập khác		1.448.000	2.649.952.854	1.528.101.023	5.608.895.614
32	10. Chi phí khác			(208.014.378)	(11.500.002)	(208.014.378)
40	11. Lợi nhuận khác	23	1.448.000	2.441.938.476	1.516.601.021	5.400.881.236
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.026.470.845	1.952.610.722	53.738.698.670	3.864.945.544
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(8.782.196.237)	(488.152.681)	(8.782.196.237)	(1.108.513.394)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24	(683.627.349)		(3.040.317.471)	(414.588.746)
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế		33.560.647.259	1.464.458.041	41.916.184.962	2.341.843.404
70	15. Lãi trên cổ phiếu	20.3	258	11	323	18



Phạm Quang Trung
Người lập



Ngô Thúy Vân
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ IV - 2014
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

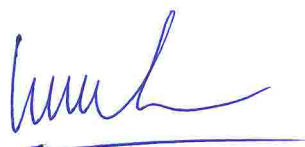
VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		43.026.470.845	1.952.610.722
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản	8,9	178.904.595	258.323.871
03	Trích lập dự phòng			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Lãi tiền gửi		(21.275.241)	
07	Chi phí lãi vay		383.333.334	(413.333.333)
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43.567.433.533	2.624.267.926
09	Giảm các khoản phải thu		(77.630.395.147)	(15.308.254.486)
10	Tăng hàng tồn kho		85.653.058.315	(119.572.459.598)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(76.742.747.342)	103.064.231.386
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		(345.686.226)	647.162.250
13	Tiền lãi vay đã trả		(476.972.751)	
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.1	(228.120.333)	(998.939.916)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.840.081.042	34.373.202.416
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(292.369.900)	(640.983.551)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.655.718.809)	4.188.226.427
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.906.009.770)	(236.709.483)
22	Tiền thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư			
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	Lãi tiền gửi nhận được		21.275.241	
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.884.734.529)	(236.709.483)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được			12.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(819.904.000)	(18.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(819.904.000)	(6.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ IV – 2014 (tiếp theo)
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

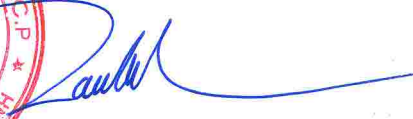
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013
50	Giảm tiền thuận trong quý		(5.360.357.338)	(2.048.483.056)
60	Tiền đầu quý		13.305.974.685	9.481.770.214
70	Tiền cuối quý	4	7.945.617.347	7.433.287.158



Phạm Quang Trung
Người lập



Ngô Thúy Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phát Đạt, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004, và sau đó được điều chỉnh theo các GCNĐKKD sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

4103002655

Điều chỉnh lần 1

11 tháng 12 năm 2004

Điều chỉnh lần 2

16 tháng 11 năm 2005

Điều chỉnh lần 3

11 tháng 7 năm 2006

Điều chỉnh lần 4

19 tháng 12 năm 2006

Điều chỉnh lần 5

23 tháng 4 năm 2007

Điều chỉnh lần 6

24 tháng 5 năm 2007

Điều chỉnh lần 7

29 tháng 11 năm 2007

Điều chỉnh lần 8

23 tháng 1 năm 2008

Điều chỉnh lần 9

29 tháng 2 năm 2008

Điều chỉnh lần 10

29 tháng 6 năm 2009

0303493756

Điều chỉnh lần 11

27 tháng 8 năm 2009

Điều chỉnh lần 12

4 tháng 12 năm 2009

Điều chỉnh lần 13

4 tháng 5 năm 2010

Điều chỉnh lần 14

13 tháng 9 năm 2010

Điều chỉnh lần 15

22 tháng 10 năm 2010

Điều chỉnh lần 16

3 tháng 11 năm 2010

Điều chỉnh lần 17

28 tháng 1 năm 2011

Điều chỉnh lần 18

11 tháng 8 năm 2011

Điều chỉnh lần 19

22 tháng 9 năm 2011

Điều chỉnh lần 20

16 tháng 5 năm 2012

Điều chỉnh lần 21

15 tháng 8 năm 2012

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; và cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại 422 đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 84 (ngày 30 tháng 09 năm 2014: 77).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và có thời hạn;
- Chi phí xây dựng; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Tiền hoa hồng không hoàn lại trả cho đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán các lô bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	3 – 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao hoặc khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao hoặc khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cho thuê

Các khoản doanh thu tiền thuê phải thu dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Doanh thu bất động sản

Một bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro và lợi ích trọng yếu đã chuyển sang cho người mua, mà thông thường là cho các hợp đồng không có điều kiện trao đổi. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện chủ yếu được đáp ứng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. TIỀN

	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
		VNĐ
Tiền mặt	310.293.261	2.598.271.519
Tiền gửi ngân hàng	7.635.324.086	10.707.703.166
TỔNG CỘNG	7.945.617.347	13.305.974.685

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán thể hiện các khoản ứng trước không tính lãi suất cho các nhà thầu xây dựng các dự án của Công ty, chủ yếu cho dự án The EverRich 2 và The EverRich 3.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
		VNĐ
Phải thu từ khoản thanh toán hộ cho Công ty Cổ phần Khu Du lịch và Khách sạn Phát Đạt - Quảng Ngãi	42.500.000.000	43.500.000.000
Khác	3.939.867.330	2.214.216.811
TỔNG CỘNG	46.439.867.330	45.714.216.811
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.040.666.479)	(1.040.666.479)
GIÁ TRỊ THUẦN	45.399.200.851	44.673.550.332

7. HÀNG TỒN KHO

	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
		VNĐ
Bất động sản (*)	5.409.806.326.663	5.495.452.012.690
Hàng hóa	462.611.072	469.983.360
TỔNG CỘNG	5.410.268.937.735	5.495.921.996.050

(*) Bất động sản chủ yếu là giá trị quỹ đất đã được bồi thường và chi phí san lấp mặt bằng, và các chi phí đầu tư cho các dự án bất động sản đang triển khai sau đây:

	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
		VNĐ
Dự án The EverRich 2 (i)	3.589.378.873.488	3.695.825.019.417
Dự án The EverRich 3 (ii)	1.570.169.640.562	1.549.369.180.660
Dự án Nhà Bè (iii)	225.477.448.977	225.477.448.977
Dự án Long Thạnh Mỹ (iv)	24.780.363.636	24.780.363.636
TỔNG CỘNG	5.409.806.326.663	5.495.452.012.690

Quyền sử dụng đất của dự án The EverRich 2 đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (Thuyết minh số 14 và 19).

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay và nợ tài trợ cho việc đền bù, giải phóng mặt bằng, thiết kế, xây dựng, tư vấn, giám sát của các dự án đang triển khai đã được vốn hóa trong quý là 103.956.344.916 VNĐ (trong quý III/2014: 104.209.952.935 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết của các dự án bất động sản đang triển khai vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

(i) *Dự án The EverRich 2*

Dự án này tọa lạc tại số 422 Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối năm của dự án này chủ yếu là tiền bồi thường đất và dự án này đang được triển khai thi công giai đoạn 1 gồm các khối nhà A, B, C, D, và các khối nhà này đã được xây dựng xong phần móng cọc. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khối nhà B đã hoàn thành xong tầng mười hai và khối nhà C đã tiến hành bàn giao căn hộ cho khách hàng.

(ii) *Dự án The EverRich 3*

Dự án này tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 20 tháng 6 năm 2011, Công ty đã hoàn tất việc xây dựng và khánh thành đưa vào sử dụng cầu Phú Thuận nối liền Dự án The EverRich 3 với Khu Trung tâm của Phú Mỹ Hưng. Số dư cuối năm của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các lô đất nền của khu biệt thự đã được hoàn thành và sẵn sàng cho việc xây dựng và bán căn biệt thự, đồng thời công ty đang chuẩn bị khởi công xây dựng khối nhà A của khu chung cư cao tầng.

(iii) *Dự án Nhà Bè*

Dự án này tọa lạc tại Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày kết thúc năm tài chính, dự án chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất và Công ty đang trong quá trình xin sự phê duyệt quy hoạch chi tiết từ các cơ quan có thẩm quyền.

(iv) *Dự án Long Thạnh Mỹ*

Dự án này tọa lạc tại Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối năm của dự án chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư vào ngày 30 tháng 09 năm 2014	860.000.000	2.135.834.294	2.966.637.720	5.962.472.014
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	860.000.000	2.135.834.294	2.966.637.720	5.962.472.014
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.970.242.994	32.000.000	2.002.242.994
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư vào ngày 30 tháng 09 năm 2014	(232.015.081)	(2.108.235.733)	(2.104.542.441)	(4.444.793.255)
Khấu hao trong kỳ	(8.600.001)	(13.799.274)	(122.276.574)	(144.675.849)
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	(240.615.082)	(2.122.035.007)	(2.226.819.015)	(4.589.469.104)
Giá trị còn lại:				
Số dư vào ngày 30 tháng 09 năm 2014	627.984.919	27.598.561	862.095.279	1.517.678.759
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	619.384.918	13.799.287	739.818.705	1.373.002.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	118.199.556.440	718.481.036	118.918.037.476
Phân loại lại			-
Số cuối kỳ	<u>118.199.556.440</u>	<u>718.481.036</u>	<u>118.918.037.476</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu trừ hết</i>		618.562.050	618.562.050
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu kỳ	(500.775.190)	(701.827.860)	(1.202.603.050)
Khấu trừ trong kỳ	(25.902.165)	(8.326.581)	(34.228.746)
Phân loại lại			
Số cuối kỳ	<u>(526.677.355)</u>	<u>(710.154.441)</u>	<u>(1.236.831.796)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	<u>117.698.781.250</u>	<u>16.653.176</u>	<u>117.715.434.426</u>
Số cuối kỳ	<u>117.672.879.085</u>	<u>8.326.595</u>	<u>117.681.205.680</u>

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền được sử dụng các khu đất của Công ty bao gồm:

- i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn với giá trị 113.140.000.000 VNĐ tọa lạc tại số 131 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn với giá trị 5.059.556.440 VNĐ tọa lạc tại Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam. Đây là khu đất mà Công ty đang thuê với thời hạn 49 năm kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2009.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>30 tháng 09 năm 2014</i>
Khu nghỉ dưỡng Westin & Spa Cam Ranh	49.150.787.835	46.281.836.107
Mỏ đá Bình Đông, Quảng Ngãi	70.118.182	70.118.182
Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng Năm sao		
Phú Quốc	30.505.188.000	30.505.188.000
Khác	<u>3.387.052.849</u>	<u>3.349.994.807</u>
TỔNG CỘNG	<u>83.113.146.866</u>	<u>80.207.137.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31 tháng 12 năm 2014		30 tháng 09 năm 2014	
	%	Số tiền - VNĐ	%	Số tiền - VNĐ
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt Ánh Dương (PĐAD)	48,00	45.000.000.000	48,00	45.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cầu Mỹ Lợi (CML)	20,00	52.000.000.000	20,00	52.000.000.000

PĐAD là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103013747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2009. Văn phòng đăng ký của PĐAD tọa lạc tại 357-359 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PĐAD là kinh doanh bất động sản.

CML là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1201465247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28 tháng 2 năm 2014. Văn phòng đăng ký của CML tọa lạc tại 2075 ấp Hồng Rạng, Xã Bình Đông, Thị xã Gò Công, Tiền Giang, Việt Nam. Hoạt động chính của CML là đầu tư xây dựng cầu đường.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
Chi phí sửa chữa văn phòng	780.874.101	878.483.367
Chi phí quảng cáo trả trước	213.588.277	247.347.157
Chi phí khác	80.944.968	70.974.836
TỔNG CỘNG	1.075.407.346	1.196.805.360

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ của Công ty cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện dự án Khu Nghỉ dưỡng Westin và Spa Cam Ranh. Tiền thuê đất phải trả hàng năm trong tương lai của Công ty sẽ được trừ dần vào khoản ký quỹ này.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	875.121.096.000	790.133.000.000
Vay từ ngân hàng (*)	17.560.000.000	17.560.000.000
Vay từ cá nhân	12.000.000.000	
TỔNG CỘNG	904.681.096.000	807.693.000.000

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông nhằm mục đích tài trợ cho việc xây dựng dự án The EverRich 2. Khoản vay này chịu lãi suất là 15%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng 112.585 m² đất tại đường Đào Trí, Quận Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Số dư này thể hiện số tiền Công ty nhận ứng trước từ các khách hàng theo các hợp đồng mua bán căn hộ của dự án The EverRich 2 và các hợp đồng góp vốn của dự án The EverRich 3.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31 tháng 12 năm 2014	VNĐ 30 tháng 09 năm 2014
Chi phí phải trả cho các dự án	107.296.586.028	67.766.559.534
Chi phí lãi vay	246.785.262.078	191.044.290.184
Các khoản khác		
TỔNG CỘNG	<u>354.081.848.106</u>	<u>258.810.849.718</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31 tháng 12 năm 2014	VNĐ 30 tháng 09 năm 2014
Chi phí bảo trì nhận trước của dự án		
The EverRich 1	15.976.756.887	15.638.820.089
Khác	105.853.917.375	59.965.882.175
TỔNG CỘNG	<u>121.830.674.262</u>	<u>75.604.702.264</u>

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31 tháng 12 năm 2014	VNĐ 30 tháng 09 năm 2014
Lãi phải trả	887.230.905.566	838.905.045.810
Nhận ký quỹ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	270.000.000.000	270.000.000.000
Tiền cọc nhận được từ khách hàng	74.309.673.527	63.601.564.527
TỔNG CỘNG	<u>1.231.540.579.093</u>	<u>1.172.506.610.337</u>

(*) Vào ngày 8 tháng 8 năm 2011, Công ty đã ký kết HĐHTKD có thời hạn 3 năm với tổng giá trị là 300.000.000.000 VNĐ với Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Quản lý Toàn Tâm ("Toàn Tâm") liên quan đến việc phát triển 484 căn hộ ở Lô E và Lô L thuộc dự án The EverRich 2 ("các căn hộ"). Theo Phụ lục HĐHTKD ngày 15 tháng 10 năm 2013, HĐHTKD được gia hạn đến ngày 14 tháng 9 năm 2016 và Toàn Tâm có thể:

- nhận lại phần đầu tư ban đầu và phần lợi nhuận được xác định theo mức lãi suất bằng với lãi suất thực tế khoản vay trung hạn được công bố bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á tại ngày đáo hạn; hoặc
- chuyển đổi thành quyền mua căn hộ với mức giá bằng 80% giá bán được công bố bởi Công ty.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư của HĐHTKD này là 270.000.000.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31 tháng 12 năm 2014	VNĐ 30 tháng 09 năm 2014
Trái phiếu phát hành (i)	2.064.120.460.000	2.095.134.300.000
Vay dài hạn từ ngân hàng (ii)	623.923.096.000	624.743.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.688.043.556.000</u>	<u>2.719.877.300.000</u>

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	875.121.096.000	790.133.000.000
Nợ dài hạn	1.812.922.460.000	1.929.744.300.000

i. Trái phiếu phát hành

Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc phát hành trái phiếu kèm theo quyền mua căn hộ để tài trợ vốn cho việc xây dựng dự án The EverRich 2 và 3. Chi tiết các trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Trái chủ	Giá trị VNĐ	Mệnh giá VNĐ/trái phiếu	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Trọng Tín	270.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 25 tháng 1 năm 2016	15%
	255.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 20 tháng 2 năm 2016	15%
	70.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 30 tháng 09 năm 2015	15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bách Chiến	340.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 21 tháng 4 năm 2016	15%
	250.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 30 tháng 5 năm 2016	15%
Công ty Cổ phần Trường Phát Lộc	232.000.000.000	1.000.000.000	Ngày 15 tháng 7 năm 2016	15%
	99.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 12 tháng 3 năm 2016	15%
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Quản lý Toàn Tâm	200.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 15 tháng 11 năm 2016	15%
	18.120.460.000	2.000.000.000	Ngày 29 tháng 2 năm 2016	15%
Công ty TNHH Bất Động Sản Xuân Thành	330.000.000.000	2.000.000.000	Ngày 12 tháng 3 năm 2017	15%
TỔNG CỘNG	<u>2.064.120.460.000</u>			

Trong đó:

Trái phiếu đến hạn trả: 320.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

ii. Vay dài hạn từ ngân hàng

Vay dài hạn từ ngân hàng thể hiện các khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất của Công ty tại đường Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á với mục đích tài trợ vốn cho việc xây dựng các dự án của Công ty và tài trợ vốn lưu động của Công ty. Chi tiết của các khoản vay này như sau:

Hợp đồng vay	Số cuối kỳ - VND	Thời hạn vay và ngày đáo hạn	Lãi suất
Hợp đồng vay số H3497/12 ngày 12 tháng 8 năm 2010	23.187.000.000	5 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2010 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2012	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3899/12 ngày 15 tháng 9 năm 2010	61.756.000.000	5 năm kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3501/12 ngày 29 tháng 12 năm 2010	93.756.096.000	5 năm kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3503/12 ngày 13 tháng 1 năm 2011	55.567.000.000	5 năm kể từ ngày 13 tháng 1 năm 2011 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3504/12 ngày 22 tháng 2 năm 2011	176.452.000.000	5 năm kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2011 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3507/12 ngày 15 tháng 6 năm 2011	132.680.000.000	5 năm kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2011 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3510/12 ngày 19 tháng 1 năm 2012	44.175.000.000	3 năm kể từ ngày 19 tháng 1 năm 2012 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2014	15%/năm từ ngày 2 tháng 5 năm 2012
Hợp đồng vay số H3519/12 ngày 22 tháng 8 năm 2012	14.173.000.000	5 năm kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2012 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2015	15%/năm từ ngày 22 tháng 2 năm 2015
Hợp đồng vay số H3519/12 ngày 22 tháng 8 năm 2012	6.960.000.000	5 năm kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2014 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2015	14,5%/năm từ ngày 22 tháng 2 năm 2015
Hợp đồng vay số H3519/12 ngày 22 tháng 8 năm 2012	3.797.000.000	5 năm kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 và hoàn trả hàng quý bắt đầu kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2015	13%/năm từ ngày 22 tháng 2 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

ii. Vay dài hạn từ ngân hàng

<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Số cuối kỳ - VND</i>	<i>Thời hạn vay và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
Hợp đồng vay số H3531/12 ngày 30 tháng 5 năm 2014	1.500.000.000	3 năm kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2014 và hoàn trả vào ngày 30 tháng 5 năm 2017	11%/năm từ ngày 30 tháng 5 năm 2014
Hợp đồng vay số H3532/12 ngày 17 tháng 6 năm 2014	3.200.000.000	3 năm kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2014 và hoàn trả vào ngày 17 tháng 6 năm 2017	11%/năm từ ngày 17 tháng 6 năm 2014
Hợp đồng vay số H3533/12 ngày 18 tháng 8 năm 2014	1.070.000.000	3 năm kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2014 và hoàn trả vào ngày 18 tháng 8 năm 2017	11%/năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2014
Hợp đồng vay số H3534/12 ngày 18 tháng 8 năm 2014	<u>5.650.000.000</u>	3 năm kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2014 và hoàn trả vào ngày 18 tháng 8 năm 2017	11%/năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2014
TỔNG CỘNG	<u>623.923.096.000</u>		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	555.121.096.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2013	1.302.000.000.000	12.000.000.000	48.742.334.076	24.371.250.000	39.733.116.966	1.426.846.701.042
Lợi nhuận thuần trong kỳ					1.464.458.041	1.464.458.041
Thù lao Hội đồng Quản trị					(220.500.000)	(220.500.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>1.302.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>48.742.334.076</u>	<u>24.371.250.000</u>	<u>40.977.075.007</u>	<u>1.428.090.659.083</u>
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2014	1.302.000.000.000	12.000.000.000	48.742.334.076	24.371.250.000	48.114.246.957	1.435.227.831.033
Lợi nhuận thuần trong kỳ					33.560.647.259	33.560.647.259
Thù lao Hội đồng Quản trị					(220.500.000)	(220.500.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>1.302.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>48.742.334.076</u>	<u>24.371.250.000</u>	<u>81.454.394.216</u>	<u>1.468.567.978.292</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu phổ thông

	31 tháng 12 năm 2014 Cổ phiếu	30 tháng 09 năm 2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	130.200.000	130.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	130.200.000	130.200.000
Cổ phiếu phổ thông	130.200.000	130.200.000

20.3 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VNĐ)	33.560.647.259	1.464.458.041
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	130.200.000	130.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ) (Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu)	<u>258</u>	<u>11</u>

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý IV năm 2014	VNĐ Quý IV năm 2013
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.631.883.636	12.867.786.929
Doanh thu bán bất động sản	318.632.794.276	
TỔNG CỘNG	<u>320.264.677.912</u>	<u>12.867.786.929</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV năm 2014	VNĐ Quý IV năm 2013
Giá vốn dịch vụ cung cấp	7.372.288	
Giá vốn bất động sản	270.072.397.012	5.137.530.004
TỔNG CỘNG	<u>270.079.769.300</u>	<u>5.137.530.004</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý IV năm 2014	VND Quý IV năm 2013
Thu nhập khác	1.448.000	2.649.952.854
Các khoản tiền phạt hợp đồng nhận được		2.649.952.854
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		
Khác	1.448.000	
Chi phí khác		208.014.378
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý		
Khác		208.014.378
GIÁ TRỊ THUẦN	1.448.000	2.441.938.476

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Quý IV năm 2014	VND Quý VI năm 2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.026.470.845	1.952.610.722
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ		
Thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh trước khi chuyển lỗ		
Lỗ từ hoạt động kinh doanh bất động sản kỳ trước chuyển sang		
Thu nhập chịu thuế ước tính sau khi chuyển lỗ	43.026.470.845	1.952.610.722
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	8.782.196.237	488.152.681
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(6.378.666.670)	(5.001.103.617)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(228.120.333)	(998.939.916)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.175.409.234	5.511.890.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Trong năm, doanh thu của Công ty chủ yếu là từ các hoạt động cung cấp dịch vụ hơn là từ hoạt động chính của Công ty. Đồng thời, các dự án tạo ra doanh thu của Công ty đang trong giai đoạn xây dựng và tọa lạc trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám Đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không được yêu cầu.

25. CÁC CAM KẾT ĐẦU TƯ

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo các hợp đồng xây dựng đã ký kết, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 394.587.218.532 VNĐ (Ngày 30 tháng 09 năm 2014: 478.922.579.058 VNĐ) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các căn hộ chung cư và phát triển cơ sở hạ tầng cho các công trình xây dựng dở dang.

Ngoài ra, Công ty còn có khoản cam kết với số tiền là 113.400.000.000 VNĐ (Ngày 31 tháng 12 năm 2013: 113.400.000.000 VNĐ) liên quan đến việc góp vốn đầu tư vào một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt Ánh Dương, là một công ty cổ phần được thành lập ở Việt Nam.

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về bất động sản và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 09 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, vay và nợ của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm 2% thì chi phí lãi vay của Công ty sẽ tăng hoặc giảm với số tiền là 36.690.736.853 VNĐ (Ngày 30 tháng 09 năm 2014 là 38.679.966.506 VNĐ). Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay và nợ này của Công ty chủ yếu nhằm tài trợ cho việc xây dựng các dự án của Công ty nên phần lớn được vốn hóa vào giá trị các dự án.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty ít chịu rủi ro do thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VNĐ là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản bao gồm:

- ▶ chi phí của các dự án có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình triển khai dự án và
- ▶ giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản có thể giảm sút do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình triển khai dự án.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Chính sách bán hàng của Công ty là thu trước 97% tổng giá trị hợp đồng trước khi bàn giao căn hộ cho khách hàng và 3% còn lại khách hàng sẽ trả sau khi Công ty hoàn tất các thủ tục liên quan đến căn hộ (cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ). Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV - 2014 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	VNĐ					
	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Từ 3 tháng đến 12 tháng</i>	<i>Từ trên 1 năm đến 2 năm</i>	<i>Từ trên 2 năm đến 3 năm</i>	<i>Từ trên 3 năm đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Vay và nợ	555.121.096.000	78.632.000.000	19.730.000.000			653.483.096.000
Trái phiếu phát hành	320.000.000.000	1.414.120.460.000	330.000.000.000			2.064.120.460.000
Phải trả người bán	78.501.238.655					78.501.238.655
Các khoản phải trả, phải nộp khác	121.830.674.262					121.830.674.262
Chi phí phải trả	354.081.848.106					354.081.848.106
Phải trả dài hạn khác		740.675.236.861	416.555.668.705			1.157.230.905.566
TỔNG CỘNG	1.429.534.857.023	2.233.427.696.861	766.285.668.705			4.429.248.222.589
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Vay và nợ	194.278.000.000	377.829.000.000	64.762.000.000			636.869.000.000
Trái phiếu phát hành		360.722.650.000	1.446.000.000.000	330.000.000.000		2.136.722.650.000
Phải trả người bán	19.665.220.735					19.665.220.735
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.673.750.261					17.673.750.261
Chi phí phải trả	100.616.013.397					100.616.013.397
Phải trả dài hạn khác			894.259.452.960	88.296.111.000	982.555.563.960	
TỔNG CỘNG	332.232.984.393	738.551.650.000	2.405.021.452.960	418.296.111.000	3.904.102.198.353	

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng để tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31 tháng 12 năm 2014		30 tháng 9 năm 2014		31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Phải thu khách hàng	157.231.143.442		156.270.189.707		157.231.143.442	156.270.189.707
Phải thu khác	46.439.867.330	(1.040.666.479)	45.714.216.811	(1.040.666.479)	45.399.200.851	44.673.550.332
Tiền	7.945.617.347		13.305.974.685		7.945.617.347	13.305.974.685
TỔNG CỘNG	211.616.628.119	(1.040.666.479)	215.290.381.203	(1.040.666.479)	210.575.961.640	214.249.714.724

VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 09 năm 2014
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ	653.483.096.000	642.303.000.000	653.483.096.000	642.303.000.000
Trái phiếu phát hành	2.064.120.460.000	2.095.134.300.000	2.064.120.460.000	2.095.134.300.000
Phải trả người bán	78.501.238.655	60.952.110.282	78.501.238.655	60.952.110.282
Các khoản phải trả, phải nộp khác	121.830.674.262	75.604.702.264	121.830.674.262	75.604.702.264
Chi phí phải trả	354.081.848.106	258.810.849.718	354.081.848.106	258.810.849.718
Phải trả dài hạn khác	1.157.230.905.566	1.108.905.045.810	1.157.230.905.566	1.108.905.045.810
TỔNG CỘNG	4.429.248.222.589	4.241.710.008.074	4.429.248.222.589	4.241.710.008.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

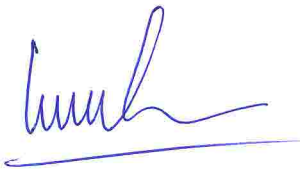
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ và các nợ phải trả tài chính khác gần bằng với giá trị sổ sách của các khoản mục này dựa vào lãi suất thị trường mà các nợ phải trả tài chính này đang gánh chịu.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung
Người lập



Ngô Thúy Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

THE
EVER RICH

422 Dao Tri Street, Quarter 1, Phu Thuan Ward, District 7, HCMC
Tel: 84 8 3773 2222 - Fax: 84 8 3773 8908
Email: info@phatdat.com.vn
www.phatdat.com.vn